



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY TNHH MTV
DU LỊCH THƯƠNG MẠI
KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY
31/12/2014**

SAO Y BẢN CHÍNH

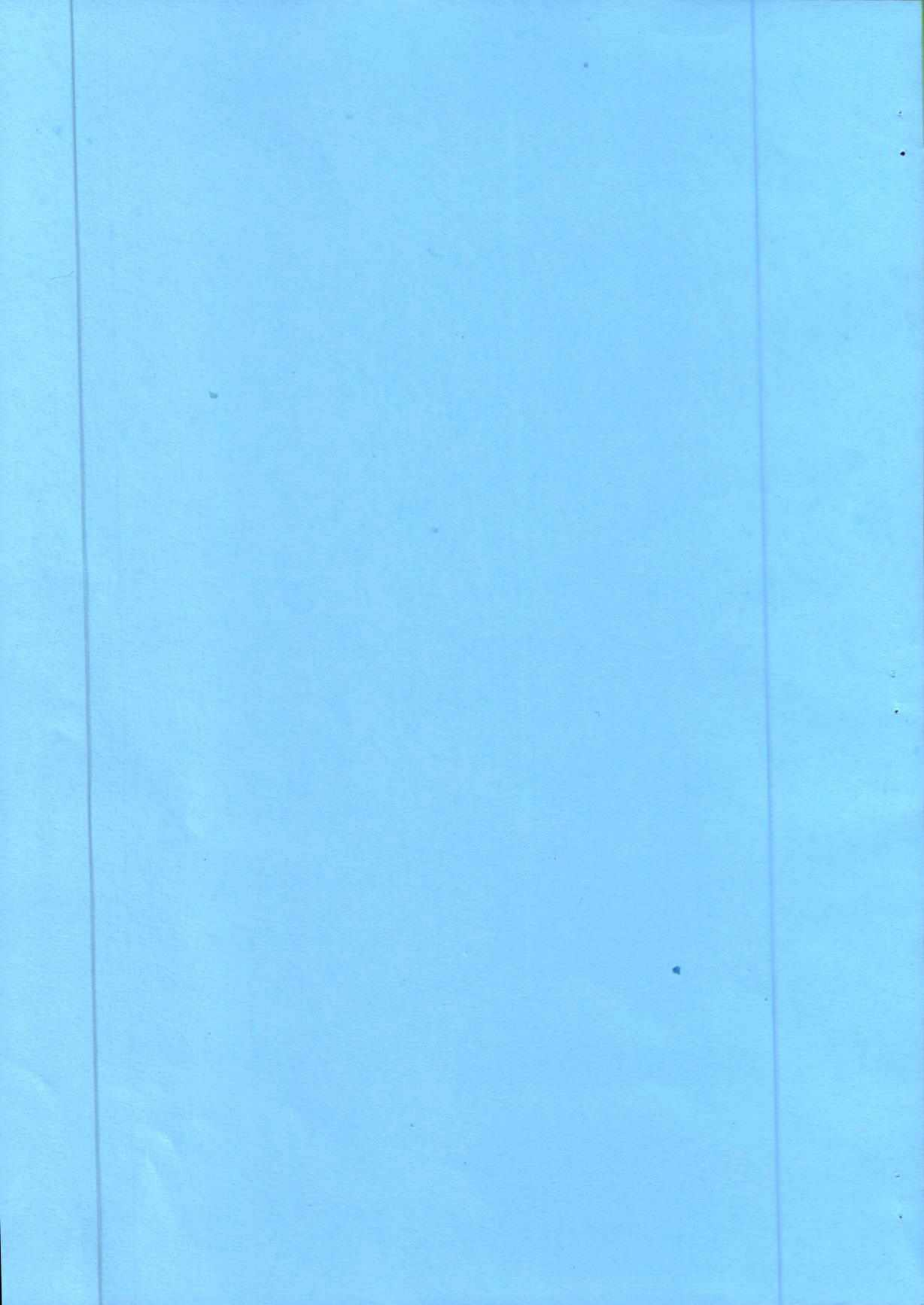
Số : *25* / DLTM

Kiên Giang, ngày *05* tháng *12* năm *2016*

CTY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Lưu Thị Ngọc Duyên



**CÔNG TY TNHH MTV
DU LỊCH THƯƠNG MẠI
KIÊN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY
31/12/2014**



CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2014	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2014	12 - 13
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc Vào ngày 31/12/2014	14 - 33

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. Các thông tin chung

Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được thành lập theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hợp nhất Công ty Du lịch Kiên Giang và Công ty Thương mại Kiên Giang.

Từ ngày 01/07/2010 Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang chính thức chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang theo Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Du lịch- Thương mại Kiên Giang thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/06/2010. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang sẽ kế thừa mọi nghĩa vụ và quyền lợi của Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang cũ trong quá trình hoạt động.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 186-188-190 Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1700523208 ngày 30 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu như sau:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn. Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ. Dịch vụ ăn uống tại cửa hàng, quầy cố định hoặc lưu động. Hoạt động của các cửa hàng tự phục vụ;
- Vận tải hành khách liên tỉnh. Vận tải hành khách nội tỉnh. Vận tải hành khách bằng xe ô tô (trừ xe taxi, xe buýt). Vận tải hành khách bằng xe taxi. Vận tải hành khách theo hợp đồng. Vận tải hành khách bằng phương tiện thô sơ;
- Vận tải ven biển (tàu thủy, ca nô, xà lan, xuồng máy, thuyền buồm, thuyền chèo tay);
- Vận tải đường sông bằng phương tiện cơ giới. Vận tải đường sông bằng phương tiện thô sơ;
- Kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh lữ hành quốc tế. Kinh doanh các dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí;
- Dịch vụ chăm sóc cá nhân;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng. Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ nhớt;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu. Mua bán nông sản thô chưa chế biến. Mua bán nông sản sơ chế. Mua bán lương thực. Mua bán thực phẩm. Mua bán cá và thủy sản. Mua bán thịt và sản phẩm từ thịt. Mua bán một số hàng thực phẩm khác;
- Mua bán đồ uống có cồn: rượu bia;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước. Mua bán gỗ, kim khí;
- Mua bán thiết bị văn phòng;
- Mua bán tạp phẩm khác;
- Mua bán hóa chất sử dụng trong nông nghiệp: phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ...;

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giết mổ, chế biến thịt gia cầm. Giết mổ, chế biến thịt gia súc;
- Xay sát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Môi giới thương mại. Ủy thác mua bán hàng hóa. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Môi giới, đấu giá bất động sản;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Kinh doanh ngoại hối, vàng. Dịch vụ cầm đồ;
- Kinh doanh bãi tắm
- Kinh doanh phòng hát Karaoke;
- Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm lưng, vật lý trị liệu;
- Mua bán thuốc lá, thuốc Lào và sản phẩm từ sợi thuốc lá: thuốc lá điếu, xì gà, thuốc sợi;
- Đi du thuyền;
- Kinh doanh nhà vệ sinh, nhà tắm công cộng;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh. Vận tải chất lỏng: xăng, dầu, nước, sữa. Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường sông liên vận;
- Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ. Cho thuê phương tiện vận tải đường thủy;
- Dịch vụ gội đầu, uốn, sấy, nhuộm tóc;
- Hoạt động ca nhạc tạp kỹ;
- Các hoạt động nhiếp ảnh;
- Bán lẻ qua bưu điện;
- Mua bán đồ uống không cồn: nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết;
- Cho thuê kho, bãi đậu xe. Mua bán thiết bị khác: vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và đóng hộp thủy sản. Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh. Chế biến và bảo quản thủy sản khô. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản. Bán buôn thủy sản;
- Khai thác thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản nước lợ. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm. Bán lẻ thiết bị viễn thông. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin liên quan đến máy vi tính. Hoạt động viễn thông không dây. Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Hoạt động viễn thông có dây. Lắp đặt hệ thống điện: từ 35KV trở xuống;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Bán buôn xe có động cơ khác. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Đại lý xe có động cơ khác. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các đơn vị trực thuộc

Vào thời điểm lập báo cáo này Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp
- Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng
- Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC

3. Thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám Đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc tại ngày kết thúc niên độ bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hùng Linh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tung	Thành viên
Ông Trần Văn Thôn	Thành viên
Ông Bùi Quốc Thái	Thành viên
Ông Trần Minh Khoa	Thành viên

Ban giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hùng Linh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tung	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Hoàng	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Quốc Thái	Phó Tổng giám đốc
Bà Huỳnh Thanh Nguyên	Phó Tổng giám đốc

4. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2014 được trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

6. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

7. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với Bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực/ Chế độ kế toán Việt Nam.

8. Sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2015 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3, chuẩn y việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty, Ông Phạm Văn Hoàng giữ chức Tổng Giám đốc, Ông Nguyễn Thanh Tung giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên thay thế Ông Nguyễn Hùng Linh.

Kiên Giang, ngày 01/04/2015

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hoàng



Số: 1434/SVC-CN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch – Thương mại Kiên Giang, được lập ngày 01 tháng 04 năm 2015, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại mục (5.2.2) của thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa trích lập và ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh trong kỳ chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi, làm ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ số tiền là 7.778.082.886 đồng.

Như được trình bày tại mục (5.8.4) của thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa trích lập và ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh trong kỳ chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn, làm ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ số tiền là 6.905.011.815 đồng.

Như được trình bày tại mục (8.1) của thuyết minh báo cáo tài chính, do còn trong giai đoạn kiện tụng, tranh chấp, nên Công ty vẫn chưa có hướng xử lý đối với khoản nợ phải thu của khách hàng World trade LLC, theo ý kiến của chúng tôi, để đảm bảo tính thận trọng, Công ty nên tiến hành trích dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ nêu trên vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

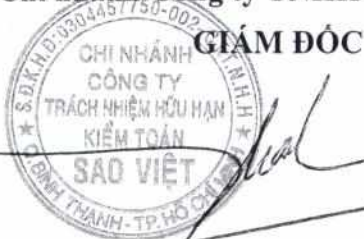
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch – Thương mại Kiên Giang tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Do tính trọng yếu của khoản nợ phải thu trong vụ tranh chấp với Công ty Cổ phần Hoàng Lê Gia, Chúng tôi cũng xin lưu ý các vấn đề được trình bày tại mục (8.2) của thuyết minh báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt



GIÁM ĐỐC

PHÙNG CHÍ THÀNH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0184-2013-107-1

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM VĂN GIỚI

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0178-2013-107-1

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		955.471.794.390	1.211.096.692.856
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	24.153.047.712	278.123.683.257
1. Tiền	111		24.153.047.712	115.723.683.257
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	162.400.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	1.457.962.373
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	1.457.962.373
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	5.2	394.991.167.477	433.118.110.362
1. Phải thu khách hàng	131		221.433.444.749	274.650.733.519
2. Trả trước cho người bán	132		224.687.028.462	199.757.793.771
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		21.713.131.053	24.345.766.060
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(72.842.436.787)	(65.636.182.988)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	523.134.168.685	467.621.593.086
1. Hàng tồn kho	141		524.515.419.521	467.621.593.086
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.381.250.836)	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	5.4	13.193.410.516	30.775.343.778
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.326.251.598	1.994.922.629
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.906.044.551	24.404.548.871
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	184.172.502
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.961.114.367	4.191.699.776

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	31/12/2014	01/01/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		568.190.298.484	632.606.681.428
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		402.654.953.809	431.034.413.968
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	287.613.347.651	296.858.409.271
+ Nguyên giá	222		402.058.870.921	388.005.267.723
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(114.445.523.270)	(91.146.858.452)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	95.112.025.658	92.636.882.842
+ Nguyên giá	228		95.267.811.258	92.704.835.258
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(155.785.600)	(67.952.416)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	19.929.580.500	41.539.121.855
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.8	158.080.633.927	189.980.633.927
1. Đầu tư vào công ty con	251		59.860.830.000	59.860.830.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		75.637.889.527	100.037.889.527
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30.081.914.400	30.081.914.400
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(7.500.000.000)	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260	5.9	7.454.710.748	11.591.633.533
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.454.710.748	11.591.633.533
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.523.662.092.874	1.843.703.374.284

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.196.520.818.181	1.517.141.970.015
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		1.062.923.818.181	1.356.309.738.215
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	774.655.496.500	1.139.936.518.414
2. Phải trả người bán	312	5.11	136.078.386.993	101.914.990.102
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	26.962.023.581	15.164.330.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	12.732.001.444	9.765.607.318
5. Phải trả người lao động	315		17.814.329.341	3.256.865.616
6. Chi phí phải trả	316	5.13	1.680.794.042	901.360.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	92.067.968.543	77.062.267.293
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.15	932.817.737	8.307.798.972
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		133.597.000.000	160.832.231.800
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		2.000.000	2.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.10	133.595.000.000	155.465.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	5.365.231.800
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.141.274.693	326.561.404.269
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	5.16	327.141.274.693	326.561.404.269
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		254.488.299.980	254.383.671.160
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.167.841.720	23.705.569.622
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		38.636.465.166	38.573.476.175
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.848.667.827	9.898.687.312
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.523.662.092.874	1.843.703.374.284

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		169.992,22	73.218,03
+ EUR		251,66	257,16
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập



ĐINH HOÀI THANH

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT



Ngày 01 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hoàng

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.016.027.266.064	6.182.098.859.909
2. Các khoản giảm trừ	02		422.271.840	394.405.690
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	5.015.604.994.224	6.181.704.454.219
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.876.006.203.367	6.054.045.238.695
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		139.598.790.857	127.659.215.524
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	34.668.639.857	39.100.133.157
7. Chi phí tài chính	22	6.4	41.835.591.528	31.830.453.204
Trong đó, chi phí lãi vay	23		29.494.342.328	18.798.740.503
8. Chi phí bán hàng	24		89.601.550.038	103.182.048.786
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		56.197.200.881	30.831.690.028
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.366.911.733)	915.156.663
11. Thu nhập khác	31	6.5	32.611.797.793	9.652.157.282
12. Chi phí khác	32	6.6	13.185.710.625	10.508.544.460
13. Lợi nhuận khác	40		19.426.087.168	(856.387.178)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.059.175.435	58.769.485
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	5.479.305.011	8.750.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		579.870.424	50.019.485

Người lập



ĐINH HOÀI THANH

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT

Ngày 01 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hoàng

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.059.175.435	58.769.485
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.5&5.6	27.942.536.541	23.839.445.644
Các khoản dự phòng	03		16.087.504.635	7.453.757.557
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		211.027.620	(586.062.979)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	7.1	(39.656.854.522)	(17.903.926.266)
Chi phí lãi vay	06		29.494.342.328	18.798.740.503
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		40.137.732.037	31.660.723.944
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49.186.122.601	(71.264.178.206)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.207.826.435)	(66.105.734.204)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		69.311.017.535	(61.480.119.546)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		2.406.487.427	1.451.426.397
Tiền lãi vay đã trả	13		(65.650.176.666)	(71.613.408.045)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(93.318.139)	(1.051.111.485)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	20.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.374.981.235)	(12.753.410.705)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		64.715.057.125	(251.135.811.850)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.043.711.665)	(84.031.065.117)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		24.443.631.360	515.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(984.966.102.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.386.729.946	1.251.687.453.891
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.274.175.682	11.582.828.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		73.560.825.323	194.788.660.990

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm 2014	Năm 2013
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.206.737.533.823	6.828.794.166.540
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.598.983.256.412)	(6.664.482.392.656)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(392.245.722.589)	164.311.773.884
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(253.969.840.141)	107.964.623.024
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	278.123.683.257	170.157.570.540
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(795.404)	1.489.693
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	24.153.047.712	278.123.683.257

Người lập



ĐINH HOÀI THANH

Kế toán trưởng

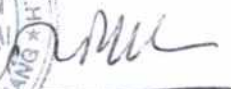


TRẦN THỊ KIM QUYẾT



Ngày 01 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hoàng

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được thành lập theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang trên cơ sở hợp nhất Công ty Du lịch Kiên Giang và Công ty Thương mại Kiên Giang.

Từ ngày 01/07/2010 Công ty Du lịch Thương mại Kiên Giang chính thức chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch- Thương mại Kiên Giang theo Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 24/06/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký thuế số 1700523208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/06/2010. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch - Thương mại Kiên Giang sẽ kế thừa mọi nghĩa vụ và quyền lợi của Công ty Du lịch - Thương mại Kiên Giang cũ trong quá trình hoạt động.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 186-188-190 Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh Vân, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm 2014 lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty gồm các ngành nghề sau:

- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng. Mua bán chất bôi trơn, làm sạch động cơ; nhớt;
- Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu. Mua bán nông sản thô chưa chế biến. Mua bán nông sản sơ chế. Mua bán lương thực. Mua bán thực phẩm. Mua bán cá và thủy sản. Mua bán thịt và sản phẩm từ thịt. Mua bán một số hàng thực phẩm khác;
- Xây xát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Mua bán đồ uống có cồn: rượu bia;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước. Mua bán gỗ, kim khí;
- Mua bán thiết bị văn phòng;
- Mua bán tạp phẩm khác;
- Môi giới thương mại. Ủy thác mua bán hàng hóa. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Kinh doanh ngoại hối, vàng. Dịch vụ cầm đồ;
- Mua bán đồ uống không cồn: nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết;
- Cho thuê kho, bãi đậu xe. Mua bán thiết bị khác: vật tư, thiết bị ngành xăng dầu;

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Chế biến và đóng hộp thủy sản. Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh. Chế biến và bảo quản thủy sản khô. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm. Bán lẻ thiết bị viễn thông. Bán lẻ thiết bị nghe nhìn;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin liên quan đến máy vi tính. Hoạt động viễn thông không dây. Hoạt động viễn thông khác;

1.3. Các đơn vị trực thuộc

Vào thời điểm lập báo cáo này Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá
- Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp
- Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng
- Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp
- Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài Chính.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

- Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
+ Máy móc thiết bị	08 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
+ Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm
+ Tài sản cố định vô hình - phần mềm kế toán	05 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Phương pháp lập dự phòng khoản vốn đầu tư của doanh nghiệp vào tổ chức kinh tế:

Cuối kỳ nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì phải lập dự phòng.

4.6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ như sau:

- + Không quá một năm đối với những công cụ, dụng cụ thuộc nhóm vật rẻ tiền mau hỏng
- + Không quá 2 năm đối với công cụ, dụng cụ có giá trị lớn thời gian hữu dụng dài trên 1 năm

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương ứng với thời gian hiệu lực hợp đồng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

4.9. Nguồn vốn trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và loại trừ các khoản thu nhập không được chia lợi nhuận, được phân phối như sau:

Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.

Số còn lại được phân phối theo tỷ lệ giữa vốn nhà nước đầu tư tại công ty và vốn công ty tự huy động bình quân trong năm:

- Phần lợi nhuận được chia theo vốn nhà nước đầu tư được dùng để tái đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại công ty nhà nước.
- Lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động được phân phối như sau: trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển, phần lợi nhuận còn lại căn cứ vào kết quả xếp loại doanh nghiệp hàng năm để trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty và quỹ khen thưởng phúc lợi.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản thuế phải nộp

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt	1.901.219.783	1.926.211.718
Tiền gửi ngân hàng (5.1.1)	22.243.279.929	95.208.371.539
Tiền đang chuyển	8.548.000	18.589.100.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	162.400.000.000
Cộng	24.153.047.712	278.123.683.257

(5.1.1) Chi tiết tiền gửi ngân hàng:

		31/12/2014
Tiền gửi ngân hàng - VND		18.604.072.805
Tiền gửi ngân hàng - USD	169.992,22 #	3.632.699.952
Tiền gửi ngân hàng - EUR	251,66 #	6.507.172
Cộng		22.243.279.929

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
Phải thu khách hàng	221.433.444.749	274.650.733.519
Trả trước cho người bán	224.687.028.462	199.757.793.771
Các khoản phải thu khác (5.2.1)	21.713.131.053	24.345.766.060
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (5.2.2)	(72.842.436.787)	(65.636.182.988)
Cộng	394.991.167.477	433.118.110.362

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.2.1) Chi tiết phải thu khác

	Tình trạng nợ	31/12/2014
Phải thu khác tại Văn phòng công ty		
Nguyễn Gia Đạt (CHTM Phú Quốc)	nợ khó đòi	43.413.458
Nguyễn Thị Thu Hà (CH BH TP Rạch Giá)	nợ khó đòi	4.063.617.000
Đặng Xuân Hòa (CHTM Giồng Riềng)	nợ khó đòi	338.103.200
Phan Ngọc Thiện (XN giết mổ gia cầm)	nợ khó đòi	77.468.495
BQL các dự án ĐT-XD TX Hà Tiên		2.169.919
Công ty CP Du lịch Kiên Giang		2.000.000.000
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang		372.081.158
Công ty TNHH MTV TMDV Kiên Giang		11.617.052.515
Phải thu về cổ phần hóa		916.283.318
Dư nợ TK 3388 – phải thu CNV về thuế TNCN		9.129.019
Phải thu khác tại Nhà máy Giồng Riềng		1.666.778.683
Đặng Việt Thành	nợ khó đòi	1.657.519.983
Phải thu các đối tượng khác		9.258.700
Phải thu khác tại XN kinh doanh xăng dầu Rạch Giá		297.034.288
Phải thu về thuế TNCN		270.359.579
Phải thu các đối tượng khác		26.674.709
Phải thu về khoản hỗ trợ thiệt hại bao bì không đạt chất lượng tại Nhà máy Đồ Hộp		200.000.000
Phải thu về dịch vụ cầm đồ tại XN kinh doanh DV-TM Tổng hợp		110.000.000
Cộng		21.713.131.053

(5.2.2) Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số dư công nợ cần trích lập dự phòng	Số dự phòng đã trích lập	Số dự phòng phải trích lập theo quy định	Số trích thiếu
Nhóm phải thu khách hàng	15.672.936.920	10.739.448.803	13.234.443.256	2.494.994.453
Nhóm trả trước cho người bán	60.894.811.940	57.607.346.690	60.894.811.940	3.287.465.250
Nhóm phải thu khác	6.483.505.136	4.487.881.953	6.483.505.136	1.995.623.183
Nhóm tạm ứng	7.759.341	7.759.341	7.759.341	-
Cộng	83.059.013.337	72.842.436.787	80.620.519.673	7.778.082.886

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.3. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
Hàng mua đang đi đường	551.756.861	20.037.431.271
Nguyên liệu, vật liệu	57.848.919.126	44.908.173.509
Công cụ, dụng cụ	2.219.898.635	1.891.932.692
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (5.3.1)	250.767.100.724	227.079.884.703
Thành phẩm	165.235.633.249	48.291.470.730
Hàng hóa	43.171.643.128	108.373.920.491
Hàng gửi bán	4.720.467.798	17.038.779.690
Cộng giá gốc hàng tồn kho	524.515.419.521	467.621.593.086
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.381.250.836)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	523.134.168.685	467.621.593.086

(5.3.1) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2014
Dự án khu dân cư ấp Hoà Thuận, Vĩnh Hoà Hiệp, CT,G	16.030.164.789
Dự án dãy nhà phố Kênh 5 (Tân Hiệp)	664.815.300
Dự án khu dân cư Phía Tây TT Giồng Riềng	30.146.000
Dự án khu đô thị 67,5 ha Phú Quốc	233.449.886.181
Chi phí sản xuất cá hộp dở dang tại Nhà máy Đồ Hộp	592.088.454
Cộng	250.767.100.724

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
Chi phí trả trước ngắn hạn (5.4.1)	2.326.251.598	1.994.922.629
Thuế GTGT được khấu trừ	8.906.044.551	24.404.548.871
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	184.172.502
Tài sản thiếu chờ xử lý (5.4.2)	708.832.744	2.365.795.312
Tạm ứng cho nhân viên	1.252.281.623	1.825.904.464
Cộng	13.193.410.516	30.775.343.778

(5.4.1) Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn:

	31/12/2014
<i>Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc – phí bảo hiểm</i>	<i>53.799.691</i>
<i>Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp - công cụ dụng cụ</i>	<i>6.666.669</i>
<i>Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá</i>	<i>757.195.221</i>
Phí bảo hiểm cửa hàng xăng dầu	242.760.058
Chi phí chờ phân bổ khác	514.435.163
<i>Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC</i>	<i>1.508.590.017</i>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	99.707.694
Phí bảo hiểm	76.145.293
Chi phí chờ phân bổ khác	1.332.737.030
Cộng	2.326.251.598

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.4.2) Chi tiết tài sản thiếu chờ xử lý:

	31/12/2014
Hao hụt gạo vượt định mức tại NM chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng	108.814.188
Hao hụt xăng dầu vượt định mức tại XN kinh doanh xăng dầu Rạch Giá	600.018.556
Cộng	708.832.744

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	215.776.346.190	135.796.319.103	35.265.212.588	1.167.389.842	388.005.267.723
Tăng trong kỳ	9.540.376.732	13.195.951.928	-	30.500.000	22.766.828.660
Tăng do mua sắm	5.933.705.844	5.419.502.531	-	30.500.000	11.383.708.375
Tăng từ XDCB	3.595.009.151	7.776.449.397	-	-	11.371.458.548
Tăng do phân loại lại tài sản	11.661.737	-	-	-	11.661.737
Giảm trong kỳ	6.773.662.553	1.725.222.208	214.340.701	-	8.713.225.462
Giảm do phân loại lại tài sản	-	11.661.737	-	-	11.661.737
Giảm chuyển sang CCDC	-	41.500.729	-	-	41.500.729
Tài sản đem góp vốn	2.901.516.318	-	-	-	2.901.516.318
Giảm thanh lý	3.872.146.235	1.672.059.742	214.340.701	-	5.758.546.678
Số dư cuối kỳ	218.543.060.369	147.267.048.823	35.050.871.887	1.197.889.842	402.058.870.921
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	39.392.578.948	32.493.787.656	18.491.544.910	768.946.938	91.146.858.452
Tăng trong kỳ	11.800.812.276	12.625.523.831	3.353.617.735	74.749.515	27.854.703.357
Tăng do trích khấu hao	11.800.812.276	12.625.523.831	3.353.617.735	74.749.515	27.854.703.357
Giảm trong kỳ	3.055.259.988	1.300.937.870	199.840.681	-	4.556.038.539
Tài sản đem góp vốn	1.829.633.129	-	-	-	1.829.633.129
Giảm chuyển sang CCDC	-	26.380.729	-	-	26.380.729
Giảm thanh lý	1.225.626.859	1.274.557.141	199.840.681	-	2.700.024.681
Số dư cuối kỳ	48.138.131.236	43.818.373.617	21.645.321.964	843.696.453	114.445.523.270
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	176.356.487.496	103.329.811.193	16.773.667.678	398.442.904	296.858.409.271
Tại ngày cuối năm	170.404.929.133	103.448.675.206	13.405.549.923	354.193.389	287.613.347.651

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	92.674.835.258	30.000.000	92.704.835.258
Tăng trong kỳ	11.972.237.097	-	11.972.237.097
Tăng do mua sắm	11.972.237.097	-	11.972.237.097
Giảm trong kỳ	9.409.261.097	-	9.409.261.097
Giảm thanh lý	9.409.261.097	-	9.409.261.097
Số dư cuối kỳ	95.237.811.258	-	95.267.811.258
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư đầu kỳ	44.764.916	23.187.500	67.952.416
Tăng khấu hao	84.083.184	3.750.000	87.833.184
Số dư cuối kỳ	128.848.100	26.937.500	155.785.600
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	92.630.070.342	6.812.500	92.636.882.842
Tại ngày cuối năm	95.108.963.158	3.062.500	95.112.025.658

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

		31/12/2014	01/01/2014
Chi mua sắm tài sản dở dang	(5.7.1)	2.706.939.669	19.743.302.273
Chi xây dựng cơ bản dở dang	(5.7.2)	17.222.640.831	21.795.819.582
Cộng		19.929.580.500	41.539.121.855

(5.7.1) Chi tiết mua sắm tài sản dở dang:

	31/12/2014
Kho ngoại quan + siêu thị miễn thuế Hà Tiên	395.122.766
Giá trị mua đất bờ sông kho Kiên Lương	660.000.000
Mua nổi thanh trùng cá hộp - NM Đồ Hộp	1.001.768.657
Mua máy cắt cá - NM Đồ Hộp	640.398.818
Phí thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng kho lạnh số 7 - NM Đồ Hộp	7.031.246
Phí thẩm định giá sàn thép chứa hàng, mặt sàn - NM Đồ Hộp	2.618.182
Cộng	2.706.939.669

(5.7.2) Khoản chi xây dựng Kho ngoại quan và Siêu thị miễn thuế tại Hà Tiên

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2014	01/01/2014
Đầu tư vào công ty con	(5.8.1)	59.860.830.000	59.860.830.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(5.8.2)	75.637.889.527	100.037.889.527
Đầu tư dài hạn khác	(5.8.3)	30.081.914.400	30.081.914.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5.8.4)	(7.500.000.000)	-
Cộng		158.080.633.927	189.980.633.927

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.8.1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con

	31/12/2014	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV TMDV Kiên Giang	42.000.000.000	100,00%
Công ty CP Vận tải Thủy bộ Kiên Giang	11.028.210.000	85,66%
Công ty CP Nước đá Thủy sản Kiên Giang	6.832.620.000	62,20%
Cộng	<u>59.860.830.000</u>	

(5.8.2) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2014	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty CP Nông Lâm Sản Kiên Giang	9.271.700.000	30,02%
Công ty CP Chế biến Thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền	4.880.000.000	35,00%
Công ty CP Thực phẩm đóng hộp Kiên Giang	9.766.850.000	38,08%
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học	2.560.480.000	20,00%
Công ty CP Kinh doanh Nông sản Kiên Giang	9.836.000.000	22,35%
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Đào Ngọc	4.200.000.000	21,00%
Công ty CP Kiên Hùng I	7.500.000.000	30,00%
Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang	27.622.859.527	27,62%
Cộng	<u>75.637.889.527</u>	

(5.8.3) Chi tiết các khoản đầu tư khác

	31/12/2014	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ
Công ty CP Sài Gòn Phú Quốc	3.718.400.000	11,62%
Công ty CP Du lịch Kiên Giang	12.525.630.000	14,52%
Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2 Kiên Giang	477.604.400	
Công ty CP Thương mại Sabeco Sông Hậu	12.800.000	
Tổng Công ty xăng dầu Việt Nam	13.347.480.000	
Cộng	<u>30.081.914.400</u>	

(5.8.4) Chi tiết các khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn phải trích lập theo qui định:

	Số lỗ mất vốn tại ngày 31/12/2014	Tỷ lệ vốn góp/ vốn góp thực tế	Số dự phòng đã trích lập	Mức dự phòng theo qui định	Số trích thiếu
Công ty TNHH MTV TMDV KG	4.181.166.018	100,00%	-	4.181.166.018	4.181.166.018
Công ty CP Nông Lâm Sản KG	6.947.263.591	30,02%	-	2.085.519.583	2.085.519.583
Công ty TNHH Kiên Hùng I	25.000.000.000	30,00%	7.500.000.000	7.500.000.000	-
Công ty CP Du lịch KG	4.395.183.663	14,52%	-	638.326.214	638.326.214
Cộng	<u>40.523.613.272</u>		<u>7.500.000.000</u>	<u>14.405.011.815</u>	<u>6.905.011.815</u>

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Tài sản dài hạn khác

		31/12/2014	01/01/2014
Chi phí trả trước dài hạn	(5.9.1)	7.454.710.748	11.591.633.533
Cộng		<u>7.454.710.748</u>	<u>11.591.633.533</u>

(5.9.1) Chi tiết chi phí trả trước dài hạn

		31/12/2014
<i>Văn phòng công ty - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>		219.712.974
<i>XN kinh doanh DV-TM Tổng hợp - Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>		52.519.114
<i>Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC</i>		2.800.533.545
Chi phí chuyển giao công nghệ		72.333.350
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		2.296.387.127
Chi phí chờ phân bổ khác		431.813.068
<i>NMCBG xuất khẩu Giồng Riềng – Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ</i>		996.095.094
<i>Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp</i>		2.211.532.873
Phí bảo hiểm		177.783.265
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		1.736.632.800
Chi phí chờ phân bổ khác		297.116.808
<i>Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá</i>		925.181.178
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		321.116.292
Chi phí sửa chữa các cửa hàng xăng dầu		604.064.886
<i>Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Phú Quốc – Chi phí sửa chữa tàu</i>		249.135.970
Cộng		<u>7.454.710.748</u>

5.10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn

		31/12/2014	01/01/2014
<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>		774.655.496.500	1.139.936.518.414
Vay-ngắn hạn	(5.10.1)	755.535.496.500	1.120.816.518.414
Nợ dài hạn đến hạn trả	(5.10.2)	19.120.000.000	19.120.000.000
<i>Vay và nợ dài hạn</i>		133.595.000.000	155.465.000.000
Vay dài hạn	(5.10.2)	133.420.000.000	155.290.000.000
Nợ dài hạn		175.000.000	175.000.000
Cộng vay ngắn và dài hạn		<u>908.250.496.500</u>	<u>1.295.401.518.414</u>

(5.10.1) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

		USD	31/12/2014 VNĐ
NH TMCP ĐT&PT Việt Nam - VND	(5.10.1.a)		211.800.000.000
NH TMCP ĐT&PT Việt Nam - USD	(5.10.1.a)	5.304.350	113.353.959.500
NH TMCP Ngoại Thương - VND	(5.10.1.b)		224.800.000.000
NH TMCP Ngoại Thương - USD	(5.10.1.b)	9.620.100	205.581.537.000
Cộng			<u>755.535.496.500</u>

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.10.1.a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Kiên Giang. Lãi suất vay biến động theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, trong đó lãi suất cho vay bằng USD áp dụng cuối năm 2014 là 3,5%/năm, lãi suất cho vay bằng VND dao động từ 6,5% đến 7,7%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp như sau:

- Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSD đất ở tại số 211/14 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, Tp.HCM.
- Giấy chứng nhận QSD đất tại số 186-188-190 Trần Phú, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang.
- Quyền thuê đất của 2 lô đất tại đường Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang.
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh (gạo, xăng dầu, thủy sản ...) của công ty.

(5.10.1.b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang. Lãi suất vay biến động theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, trong đó lãi suất cho vay bằng USD áp dụng cuối năm 2014 thấp nhất 2,0%/năm, cao nhất 2,5%/năm, lãi suất cho vay bằng VND 6,3% /năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp với tổng giá trị tài sản thế chấp 203.383.000.000 VND, bao gồm:

- Đất cơ sở sản xuất và kinh doanh, cửa hàng xăng dầu, bồn xăng dầu tại: ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, Hòn Đất; ấp Kinh Tư, xã Bình Giang, Hòn Đất; ấp Bời Lời, xã Bình Minh, Vĩnh Thuận; khu phố Sư Nam, thị trấn Hòn Đất, Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh và trụ sở làm việc tại số 192 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá, Kiên Giang.
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, tài sản gắn liền với đất là nhà máy chế biến gạo xuất khẩu tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Hiệp A, Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất chế biến gạo tại Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp (kho Kinh 9 và kho Kinh 7).
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà máy chế biến gạo xuất khẩu và máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất tại Xí nghiệp chế biến gạo xuất khẩu Tân Hiệp, ấp Đông Thành, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà máy chế biến gạo xuất khẩu và máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất tại Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Giồng Riềng, ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang.
- Máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, Nhà máy thực phẩm đóng hộp KTC tại khu cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, Châu Thành, Kiên Giang.

(5.10.2) Chi tiết vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả

		31/12/2014	
		Nợ đến hạn	Nợ gốc
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang	(5.10.2.a)	19.120.000.000	51.420.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang	(5.10.2.b)	-	82.000.000.000
Cộng		19.120.000.000	133.420.000.000

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

(5.10.2.a) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Kiên Giang, tổng số dư nợ tại 31/12/2014 là 70.540.000.000 đồng, trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2015 là 19.120.000.000 đồng. Chi tiết số dư còn nợ như sau

Hợp đồng	Số tiền vay	Lãi suất/năm	Ngày vay	Thời hạn
0531/11/BD01/RG	4.840.000.000	10,80%	01/08/2011	60 tháng
0712/11/BD01/RG	19.200.000.000	10,80%	05/10/2011	84 tháng
0742/12/BD01/RG	32.300.000.000	10,80%	03/07/2012	84 tháng
1018/12/BD01/RG	14.200.000.000	10,80%	13/09/2012	76 tháng
Cộng	<u>70.540.000.000</u>			

(5.10.2.b) Khoản vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Kiên Giang theo Quyết định 2641/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang ngày 02/12/2010, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 4,8%/năm.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2014	01/01/2014
Phải trả người bán	136.078.386.993	101.914.990.102
Người mua trả tiền trước (5.11.1)	26.962.023.581	15.164.330.500
Cộng	<u>163.040.410.574</u>	<u>117.079.320.602</u>

(5.11.1) Chi tiết người mua trả tiền trước:

	31/12/2014
Ứng trước tiền mua đất tại Văn Phòng công ty	1.939.681.200
Ứng trước tiền mua gạo tại NM CBG Giồng Riềng	4.314.930.000
Ứng trước tiền mua gạo tại NM CBG Tân Hiệp	20.365.450.000
Người mua trả trước tại XN Kinh doanh xăng dầu Rạch Giá	31.809.110
Người mua trả trước tại KDTM Tổng Hợp	7.000.000
Người mua trả trước tại NM Đồ hộp	303.153.272
Cộng	<u>26.962.023.582</u>

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
Thuế giá trị gia tăng	2.649.124.661	5.022.590.220
Thuế tiêu thụ đặc biệt	168.501.054	168.501.054
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.153.002.707	3.767.015.835
Thuế thu nhập cá nhân	661.373.022	707.500.209
Thuế tài nguyên	100.000.000	100.000.000
Cộng	<u>12.732.001.444</u>	<u>9.765.607.318</u>

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
Phí làm hàng xuất khẩu – Văn phòng công ty	1.680.794.042	901.360.000
Cộng	1.680.794.042	901.360.000

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	179.370.494
Kinh phí công đoàn	99.933.205	418.009.751
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	248.854.222	114.515.718
Các khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	6.201.022.641	6.201.022.641
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	120.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (5.14.1)	85.418.158.475	70.029.348.689
Cộng	92.067.968.543	77.062.267.293

(5.14.1) Chi tiết các khoản phải trả khác

	31/12/2014
Phải trả khác tại Văn phòng công ty	84.608.567.574
Công ty CP Đầu tư Vinh Phát (góp vốn đầu tư dự án Phú Quốc)	17.000.000.000
Công ty TNHH XNK Văn Tân (góp vốn đầu tư dự án Phú Quốc)	4.340.000.000
Công ty CP Nông Lâm Sản KG (góp vốn đầu tư dự án Phú Quốc)	22.000.000.000
Khách hàng cá nhân đặt cọc tiền đất dự án Phú Quốc	20.928.937.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II (ứng vốn hỗ trợ đầu tư mở rộng cửa hàng bán xăng dầu, kho chứa, đóng mới xe bồn chở dầu)	10.972.449.336
Công ty Du lịch Kiên Giang	1.300.324.757
Công ty TNHH Thương mại Kiên An Phú KG	3.282.740.500
Công ty TNHH Kiên Hùng I	247.221.050
Công ty TNHH CK-XD TM Vinh Phát	35.471.238
Công ty TNHH Xăng Dầu Kiên Giang – lãi vay do góp thiếu vốn	1.552.274.462
Công ty TNHH GR SATAKE ENGINEERING (VN)	168.976.000
Trương Thành Thảo	2.000.000.000
Thù lao viên chức quản lý đại diện vốn nhà nước	461.492.181
Phải trả các đối tượng khác	300.728.599
Dư có tài khoản 1388 – Văn phòng công ty	17.952.451
Phải trả khác tại Xí nghiệp kinh doanh xăng dầu Rạch Giá	807.273.401
Phải trả khác	787.273.401
Dư có tài khoản 1388	20.000.000
Phải trả khác tại Nhà máy thực phẩm Đóng Hộp KTC	2.317.500
Cộng	85.418.158.475

**CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15. Tình hình tăng giảm quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số dư đầu năm nay	4.694.797.302	3.613.001.670	8.307.798.972
Chi quỹ trong kỳ	(3.867.112.235)	(3.507.869.000)	(7.374.981.235)
Số dư cuối năm nay	827.685.067	105.132.670	932.817.737

5.16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cộng
Số dư đầu năm trước	254.364.118.569	9.848.667.827	21.024.654.288	38.409.694.608	323.647.135.292
Lợi nhuận tăng trong năm		50.019.485			50.019.485
Các bút toán điều chỉnh theo BBKT Nhà nước năm 2012:					
Điều chỉnh tăng vốn nhà nước chi phí tư vấn pháp lý thành lập công ty con CT TNHH MTV TMDVKG	230.000.000				230.000.000
Điều chỉnh tăng Lợi nhuận chưa phân phối do loại trừ các chi phí không hợp lý trong kỳ		1.731.133.806			1.731.133.806
Điều chỉnh tăng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		(93.318.139)			(93.318.139)
Điều chỉnh giảm Quỹ khen thưởng phúc lợi		996.433.825			996.433.825
Điều chỉnh tăng Quỹ đầu tư phát triển		(2.680.915.334)	2.680.915.334		
Điều chỉnh tăng Quỹ dự phòng tài chính		(163.781.567)		163.781.567	
Điều chỉnh giảm vốn nhà nước	(210.447.409)	210.447.409			
Số dư cuối năm trước	254.383.671.160	9.898.687.312	23.705.569.622	38.573.476.175	326.561.404.269
Số dư đầu năm nay	254.383.671.160	9.898.687.312	23.705.569.622	38.573.476.175	326.561.404.269
Lợi nhuận tăng trong năm		579.870.424			579.870.424
Dùng lợi nhuận bổ sung vốn nhà nước	104.628.820	(104.628.820)			
Dùng lợi nhuận trích quỹ đầu tư phát triển		(462.272.098)	462.272.098		
Dùng lợi nhuận trích quỹ dự phòng tài chính		(62.988.991)		62.988.991	
Số dư cuối năm trước	254.488.299.980	9.848.667.827	24.167.841.720	38.636.465.166	327.141.274.693

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ nội địa	3.073.692.397.123	3.836.630.796.958
Doanh thu xuất khẩu	1.879.966.099.932	2.338.945.688.425
Doanh thu bán bất động sản	58.217.388.345	4.083.420.000
Doanh thu nội bộ	4.151.380.664	2.438.954.526
Cộng doanh thu	5.016.027.266.064	6.182.098.859.909
Các khoản giảm trừ	(422.271.840)	(394.405.690)
Doanh thu thuần	<u>5.015.604.994.224</u>	<u>6.181.704.454.219</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.830.394.865.367	6.047.522.864.169
Giá vốn đất nền dự án đã chuyển nhượng	44.481.338.000	4.083.420.000
Giá vốn hàng hóa tiêu thụ nội bộ	1.130.000.000	2.438.954.526
Cộng	<u>4.876.006.203.367</u>	<u>6.054.045.238.695</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi, lãi ký quỹ	1.755.624.896	8.161.287.689
Cổ tức lợi nhuận được chia (6.3.1)	8.447.318.359	9.683.437.541
Lãi từ chuyển nhượng vốn	14.500.000.000	-
Lãi trả chậm	373.309.891	2.628.518.288
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.541.446.711	17.948.006.260
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	586.062.979
Chiết khấu thanh toán – thu nhập khác	50.940.000	92.820.400
Cộng	<u>34.668.639.857</u>	<u>39.100.133.157</u>

(6.3.1) Trong đó, cổ tức đã ghi nhận chưa thu được tiền là: 6.387.992.538 đồng.

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	29.494.342.328	18.798.740.503
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	(7.999.552.188)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.938.866.580	21.031.264.889
Hoàn nhập cổ tức trích thừa	191.355.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	211.027.620	-
Cộng	<u>41.835.591.528</u>	<u>31.830.453.204</u>

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Thu nhập khác

	Năm 2014	Năm 2013
Thu tiền hỗ trợ, tiền bồi thường vi phạm hợp đồng	1.356.096.062	4.628.751.571
Thu thanh lý tài sản cố định	637.272.727	395.545.454
Thu nhập từ chuyên nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất	23.806.358.633	120.000.000
Thu nhập từ chênh lệch giá trị tài sản góp vốn	3.520.619.151	-
Thu chênh lệch giá nhận ủy thác xuất khẩu	757.866.450	10.414.000
Thu nhập từ công nợ, chênh lệch kiểm kê	293.983.651	4.322.362.564
Thu nhập từ khoản thuế đất năm trước được hoàn	1.704.584.257	-
Thu nhập khác	535.016.862	175.083.693
Cộng	32.611.797.793	9.652.157.282

6.6. Chi phí khác

	Năm 2014	Năm 2013
Hoàn lại khoản cô tức dự kiến thu năm trước, năm nay không thu được	-	9.397.000.000
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý TSCĐ	373.862.134	371.344.418
Giá vốn và chi phí chuyên nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất	12.636.477.110	85.000.000
Chênh lệch thiếu từ kiểm kê	-	177.702.600
Chi bồi thường	4.804.170	119.850.000
Chi phí phạt	10.559.987	20.072.783
Chi phí khác	160.007.224	337.574.659
Cộng	13.185.710.625	10.508.544.460

6.7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2014	Năm 2013
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.059.175.435	58.769.485
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Lỗ CLTG chưa thực hiện cuối kỳ trước của các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	-	(89.229.676)
- Lãi CLTG chưa thực hiện cuối kỳ của các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	(351.375.880)	(580.581.887)
- Cô tức và lợi nhuận được chia trong năm	(8.447.318.359)	(9.683.437.541)
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Lãi CLTG chưa thực hiện cuối kỳ trước của các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	580.581.887	-
- Lãi vay do góp thiếu vốn đầu tư vào Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	1.552.274.462	-
- Cô tức và lợi nhuận đã ghi nhận năm trước, năm nay không thu được	191.355.000	9.397.000.000
- Chi phí bị phạt, các chi phí không được trừ	10.559.987	470.150.792
Tổng thu nhập chịu thuế	(404.747.468)	(427.328.827)

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	24.905.931.868	35.000.000
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(25.310.679.336)	(462.328.827)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động chuyển nhượng bất động sản	5.479.305.011	8.750.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.479.305.011	8.750.000

6.7.1 Chi tiết khoản lỗ thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh còn được chuyển lỗ:

Khoản lỗ thu nhập chịu thuế	Số tiền	Hiệu lực chuyển lỗ
Năm 2012	19.473.657.690	2017
Năm 2013	462.328.827	2018
Năm 2014	25.310.679.336	2019
Cộng	45.246.665.853	

7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

7.1 Lãi, lỗ hoạt động đầu tư

	Năm 2014	Năm 2013
Thu thanh lý tài sản cố định	24.443.631.360	515.545.454
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	(13.010.339.244)	(456.344.418)
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.755.624.896	8.161.287.689
Thu nhập từ chênh lệch giá trị tài sản góp vốn	3.520.619.151	-
Lãi từ bán cổ phiếu	14.500.000.000	-
Cổ tức lợi nhuận được chia	8.447.318.359	9.683.437.541
Cộng	39.656.854.522	17.903.926.266

8. Các khoản nợ còn trong giai đoạn tranh chấp, kiện tụng

8.1. Về khoản nợ phải thu đối với khách hàng World trade LLC

Năm 2014, Công ty đã tiến hành xem xét, quy trách nhiệm cho Ông Lê Nguyễn Hoàng Nam (nguyên Trưởng phòng kinh doanh của Công ty), đề nghị đòi bồi thường đối với khoản tiền bán hàng, xuất khẩu gạo cho khách hàng World trade LLC bị thất lạc với số tiền là 13.490.448.500 đồng (khách hàng đã phản hồi và chứng minh việc chuyển trả tiền nhưng Công ty vẫn chưa nhận được tiền). Đồng thời, Công ty cũng đã chuyển toàn bộ hồ sơ có liên quan cho các cơ quan chức năng nhằm phục vụ công tác điều tra khởi kiện đối với Ông Nam. Đến thời điểm lập báo cáo này, do vẫn chưa nhận được quyết định về thi hành án, nên hiện Công ty vẫn đang ghi nhận khoản phải thu khách hàng với số tiền nêu trên về việc bán gạo đối với khách hàng World trade LLC mà chưa có hướng xử lý đối với khoản nợ nêu trên.

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH – THƯƠNG MẠI KIÊN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8.2. Về khoản nợ phải thu đối với Công ty Cổ phần Hoàng Lê Gia

Ngày 16/07/2014 Tòa án Nhân dân huyện Bình Chánh – thành phố Hồ Chí Minh đã công bố Bản án số 22/2014/KDTM-ST xét xử vụ việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang và Công ty Cổ phần Hoàng Lê Gia. Tòa tuyên án buộc Công ty TNHH Thương Khuê (đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Hoàng Lê Gia) phải trả cho Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang số tiền mua bán xe theo hợp đồng kinh tế số 23/HĐBX-KTC ngày 13/10/2010, bao gồm số tiền 8.565.268.800 đồng từ việc mua xe, số tiền 3.854.371.000 đồng tiền lãi từ ngày 13/10/2010 đến 16/07/2014, số tiền 59.910.035 đồng tiền tạm ứng án phí và khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian thi hành án trễ so với ngày công bố bản án. Đến thời điểm lập báo cáo này, do chưa nhận được thi hành án, nên hiện Công ty vẫn đang ghi nhận khoản phải thu khách hàng về bán xe đối với Công ty Cổ phần Hoàng Lê Gia số tiền 8.565.268.800 đồng mà chưa có hướng xử lý đối với khoản nợ nêu trên.

Kiên Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2015

Người lập



ĐINH HOÀI THANH

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ KIM QUYẾT



Tổng Giám đốc

Phạm Văn Hoàng



BIÊN BẢN

(Họp Hội đồng thành viên)

Hôm nay, vào lúc 14h00 phút, ngày 24/6/2015 tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang, tổ chức cuộc họp.

I- THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- | | |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Thanh Tung | - Chủ tịch Hội đồng thành viên; |
| Ông Phạm Văn Hoàng | - Thành viên HĐQT- Quyền Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Quốc Thái | - Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Văn Thón | - Thành viên Hội đồng thành viên |
| Ông Trần Minh Khoa | - Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc. |
| Ông Đặng Văn Lành | - Kiểm soát viên |
| Ông Phan văn Trinh | - Thư ký hội nghị. |

II- NỘI DUNG:

Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang, họp Hội đồng thành viên:

- Chủ trương về công tác quyết toán năm 2014.
- Người đại diện vốn tại Công ty TNHH MTV Thương mại DV xin ý kiến về công tác tổ chức cán bộ.

* Ông Nguyễn Thanh Tung, Chủ tịch HĐQT thông qua chương trình hội nghị.

I- Về chủ trương phê duyệt quyết toán 31/12/2014.

1- Quyết toán tài chính Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang đến 31/12/2014 như sau:

Tổng cộng tài sản	1.523.662.092.874 đồng. Trong đó:
Tài sản ngắn hạn	955.471.794.390 đồng
Tài sản dài hạn	568.190.298.484 đồng.
Tổng cộng Nguồn vốn	1.523.662.092.874 đồng. Trong đó:
Nợ phải trả	1.196.520.818.181 đồng.
Nguồn vốn chủ sở hữu	327.141.274.693 đồng.

* Theo kết quả kinh doanh trên, Công ty đã trình Hội đồng thẩm định Quỹ tiền lương công ty năm 2014.

2- Do yêu cầu phải tăng dự phòng phải thu khó đòi và tăng dự phòng đầu tư tài chính dài hạn. Do vậy, điều chỉnh kết quả kinh doanh năm 2014 khoản phải trả Người lao động được điều chỉnh bằng 2 phương án (kèm theo) để hội nghị cân nhắc và quyết định.



II- Người đại diện vốn tại Công ty TNHH MTV Thương mại DV xin ý kiến về công tác tổ chức cán bộ:

- Ông Trần Minh Khoa, TV HĐQT- Phó TGD công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang, Người đại diện vốn tại Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kiên Giang, có báo cáo về hoạt động Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ KG, trong đó kết quả kinh doanh năm 2014 lỗ 6,5 tỷ đồng, tuy nhiên theo ước tính công ty trong 6 tháng đầu năm 2015 phát sinh lãi khoản 4 tỷ đồng; Nợ khó đòi hiện còn 13,337 tỷ đồng đang trong giai đoạn cùng đối tác có nhiều giải pháp để thu hồi khắc phục; Người đại diện vốn xin ý kiến Hội đồng thành viên về trường hợp bổ nhiệm lại các chức danh Giám đốc, các Phó Giám đốc công ty sau thời hạn 5 năm, gồm:

Ông Võ Văn Nhẫn, Giám đốc công ty.

Ông Phạm Công Hồng, Phó Giám đốc công ty.

Bà Trần Kim Định, Phó Giám đốc công ty.

III- KẾT LUẬN HỘI NGHỊ:

Hội nghị đã bàn bạc và đi đến thống nhất.

Ông Nguyễn Thanh Tung, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang kết luận hội nghị:

1- Thống nhất theo quyết toán ngày 31/12/2014 Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại Kiên Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt – Chi nhánh TP.HCM (không điều chỉnh) .

Quỹ tiền lương được áp dụng theo Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang.

Các khoản điều chỉnh sau đây sẽ thực hiện trong quyết toán năm 2015:

	Số chênh lệch
<i>I- Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận (1+2)</i>	13.891.094.701
- Dự phòng phải thu khó đòi (1)	6.986.082.886
Dự phòng phải thu khó đòi (theo kiểm toán)	7.778.082.886
Giảm dự phòng của DNTN Thanh Tâm (đất)	(792.000.000)
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (2)	6.905.011.815
<i>II- Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận</i>	5.119.203.180
- Phải thu khách hàng	5.119.203.180
Thu lãi phải trả những năm trước Cty CP VT TB	2.319.203.180
Thu lãi chia các quỹ của Cty CP CB TSXK NQ	2.800.000.000

2- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kiên Giang hiện nay đang trong tiến trình cổ phần hóa, thống nhất bổ nhiệm lại các chức danh sau đây:

Ông Võ Văn Nhẫn, Giám đốc công ty.

Ông Phạm Công Hồng, Phó Giám đốc công ty.

Bà Trần Kim Định, Phó Giám đốc công ty.

- Giao cho Ban Tổng Giám đốc, Văn phòng Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang và Người đại diện vốn- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kiên Giang, tổ chức thực hiện qui trình bỏ nhiệm theo qui định.

3- Thống nhất chủ trương bán ra gạo tồn kho cũ tại 2 xí nghiệp chế biến gạo XK Tân Hiệp và Giồng Riềng như sau:

- Bản đề nghị ngày 20/4/2015 của XN chế biến gạo XK Tân Hiệp:

Số lượng gạo 110 tấn (Một trăm mười tấn gạo)
Giá bán tại kho 7.700.000 đồng /tấn (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT)

- Bản đề nghị ngày 01/6/2015 của XN chế biến gạo XK Tân Hiệp:

Số lượng gạo 240 tấn (Hai trăm bốn mươi tấn gạo)
Giá bán tại kho 7.900.000 đ/Tấn (giá trên chưa bao gồm thuế VAT)

- Bản đề nghị ngày 02/6/2015 của XN chế biến gạo XK Giồng Riềng:

Số lượng gạo 5451 100 tấn (Một trăm tấn gạo)
Giá bán tại kho 7.800.000 đồng /tấn
Số lượng gạo 4218 300 tấn (Ba trăm tấn gạo)
Giá bán tại kho: 7.700.000 đồng/tấn

Hội nghị kết thúc lúc 17h cùng ngày.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ô Nguyễn Thanh Tung-	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Hoàng	TV. HĐQT- Q. Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quốc Thái	TV. HĐQT- Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thón	TV. Hội đồng thành viên
Ông Trần Minh Khoa	TV HĐQT- Phó Tổng Giám đốc

THƯ KÝ HỘI NGHỊ

